

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **44/2023/HNGĐ-ST**.

Ngày 26/7/2023.

V/v “*Tranh chấp ly hôn và con chung*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Duy Khương

2/ Ông Vũ Văn Hợp

Thư ký phiên tòa ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Như Ngọc - Thư ký
TAND huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham
phiên tòa:*** Không tham gia.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Châu Thành,
tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số:
203/2023/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét
xử số: 62/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07/7/2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Ngô Huỳnh C**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: **Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang.**

* *Bị đơn:* Anh **Phan Thanh C1**, sinh năm 1981.

Địa chỉ: **3 M, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.**

Chỗ ở hiện nay: **Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang.**

(Chị **C** có mặt tại phiên tòa; Anh **C1** có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ *Nguyên đơn chị Ngô Huỳnh C trình bày như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh **C1** chung sống với nhau vào năm 2019, hôn nhân tự nguyện không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc sau đó nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân vì anh chị không hợp nhau nên thường xảy ra cự cãi bất hòa dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Anh chị đã cố gắng sắp xếp để chung sống với nhau nhưng đến nay vẫn không thể hòa hợp với nhau được.

Vợ chồng không còn sống chung với nhau từ đầu năm 2022 cho đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh xin được ly hôn với anh **C1**.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Anh chị có 01 người con chung là **Ngô Phan Thành Đ**, sinh ngày 22/10/2020. Chị yêu cầu được nuôi cháu **Đ** và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị xác định vợ chồng anh chị không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Ngoài ra, chị yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án sớm.

* *Bị đơn anh **Phan Thanh C1** trình bày như sau:* Anh thống nhất với lời trình bày của chị **C** về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Về mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau do bất đồng quan điểm sống. Anh chị đã sống ly thân từ hơn đầu năm 2022 năm nay. Nay anh xác nhận tình cảm vợ chồng không còn nên chị đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của chị **C**.

- Về hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị **C**, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Anh chị có 01 người con chung là **Ngô Phan Thành Đ**, sinh ngày 22/10/2020. Hiện nay con đang do chị **C** nuôi dưỡng nên anh đồng ý giao cháu **Đ** cho chị **C** nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh xác định vợ chồng anh chị không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ngoài ra, anh yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án sớm và xin được vắng mặt tại các phiên tòa xét xử do anh phải đi làm ăn nên không có điều kiện về tham dự theo giấy mời của Tòa án.

Tại phiên tòa: Chị **C** giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện của chị **Ngô Huỳnh C** thì đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn anh **Phan Thanh C1** trong vụ án có nơi cư trú tại **huyện C** nên quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh **Phan Thanh C1** là bị đơn trong vụ có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh **C1** theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Theo chị **C** và anh **C1** trình bày quan hệ hôn nhân giữa anh chị thiết lập vào năm 2019. Anh chị thừa nhận anh chị đi đến hôn nhân trên cơ sở

tự nguyện, không có tổ chức lễ cưới cũng không có đăng ký kết hôn. Quá trình giải quyết vụ án chị **C**, anh **C1** có ý kiến vợ chồng anh chị thường xuyên cự cãi nhau do bất đồng quan điểm sống, từ năm 2022 cho đến nay anh chị đã không còn chung sống với nhau nên anh chị thống nhất ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, anh chị chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định tại các Điều 8, Điều 9, Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, căn cứ vào các quy định Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị **Ngô Huỳnh C** với anh **Phan Thanh C1**.

- *Về con chung*: Chị **C** và anh **C1** có 01 người con chung tên là **Ngô Phan Thành Đ**, sinh ngày 22/10/2020. Hiện nay con đang do chị **C** chăm sóc nuôi dưỡng nên chị **C** yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh **C1** cấp dưỡng. Xét thấy, hiện nay chị **C** đang là người trực tiếp nuôi con, cháu **Ngô Phan Thành Đ** chưa được 36 tháng tuổi và tại biên bản hòa giải ngày 28/6/2023 anh **C1** cũng có ý kiến “*Chị đồng ý giao con chung cho chị C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng*” và tại phiên tòa hôm nay chị **C** vẫn giữ nguyên ý kiến là yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao **Ngô Phan Thành Đ**, sinh ngày 22/10/2020 cho chị **C** được tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp. Trong thời gian chị **C** nuôi dưỡng con chung thì anh **C1** được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị **C** không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị **C**, anh **C1** xác nhận anh chị không có nên không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc Chị **Ngô Huỳnh C** phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lý do trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 232; khoản 2 Điều 227; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 8; Điều 9; Điều 14; Điều 53; Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị **Ngô Huỳnh C** với anh **Phan Thanh C1**.

2. Về con chung: Giao 01 người con chung tên **Ngô Phan Thành Đ**, sinh ngày

22/10/2020 cho chị **Ngô Huỳnh C** tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh **Phan Thanh C1** được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung: Không xét.

4. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc Chị **Ngô Huỳnh C** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị **C** đã nộp theo biên lai thu số: 0005617, ngày 29/5/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (chị **C** đã nộp xong).

5. Quyền kháng cáo: Chị **C** có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh **C1** có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND cùng cấp;
- UBND xã;
- CCTHADS;
- Dương sự;
- Lưu.

Lê Thị Thanh Thảo